

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc đăng tải danh sách đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

Thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2 023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh thông báo và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế danh sách đăng ký hành nghề của **08** cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể như sau:

**1. Phòng khám đa khoa 108A thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế 108A** (Địa chỉ: Lô 4-5 Khu đô thị Little Sài Gòn, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260818-180032.

Danh sách đăng ký hành nghề số 79/PKĐK108A ngày 18/8/2026; Tổng số người hành nghề: 44; Bổ sung 01, Giảm 01.

**2. Phòng khám chất lượng cao Hà Nội - Bắc Ninh thuộc Công ty cổ phần Y dược Hà Nội Bắc Ninh** (Địa chỉ: Số 09 đường Nguyễn Thị Lưu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260819-180026.

Danh sách đăng ký hành nghề số 43/PKĐKHN ngày 31/8/2026; Tổng số người hành nghề: 25 người; Bổ sung 01.

**3. Phòng khám đa khoa CLC Tân Mỹ thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa chất lượng cao Tân Mỹ** (Địa chỉ: Lô 22, đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260820-180058.

Danh sách đăng ký hành nghề số 21/PKĐKTM ngày 20/8/2026; Tổng số người hành nghề: 34 người; Bổ sung 01; điều chỉnh thông tin: 01.

**4. Phòng khám đa khoa chất lượng cao Bích Động thuộc Chi nhánh Công ty cổ phần Y tế Nham Biền** (Địa chỉ: Tổ dân phố Tự, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260819-180058.

Danh sách đăng ký hành nghề số 36/PKĐKBĐ ngày 19/8/2026; Tổng số người hành nghề: 36; Bổ sung 01; Giảm 01.

**5. Bệnh viện đa khoa tư nhân Tân Dân thuộc Công ty cổ phần y dược Tân Dân** (Địa chỉ: Tổ dân phố An Thắng, Phường Tân An, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260820-180025.

Danh sách đăng ký hành nghề số 23.2026/BVĐKTD ngày 20/8/2026; Tổng số người hành nghề: 149 người; Giảm 02.



**6. Bệnh viện đa khoa Anh Quất cơ sở 2 thuộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Anh Quất** (Địa chỉ: Tòa 1.4, Khu hành chính dịch vụ 1, cụm công nghiệp Nội Hoàng, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260818-180005.

Danh sách đăng ký hành nghề số 17/BVĐKAQ2 ngày 17/8/2026; Tổng số người hành nghề: 112 người; điều chỉnh thông tin 01; Giảm 01.

**7. Bệnh viện đa khoa Ngã Tư Hồ thuộc Công ty TNHH Y tế Thành Bắc** (Địa chỉ: Số 5, TDP Bến Hồ, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260819-180052.

Danh sách đăng ký hành nghề số 14.2026/BVĐKNTH ngày 19/8/2026; Tổng số 3 người hành nghề: 101 người; Bổ sung 01; điều chỉnh thông tin 01.

**8. Bệnh viện Đa khoa Yên Dũng** (Địa chỉ: TDP Nham Biền, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh); Mã hồ sơ: H05.21-260819-180066.

Danh sách đăng ký hành nghề số 21/BVĐK ngày 19/8/2026; Tổng số người hành nghề: 148 người; điều chỉnh thông tin: 02; Giảm 01.

(chi tiết theo các file Danh sách gửi kèm)

**\* Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:**

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý về toàn bộ các thông tin do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị Sở Y tế đăng tải Danh sách đăng ký hành nghề.

- Lưu trữ hồ sơ của cán bộ trong danh sách đăng ký hành nghề và các tài liệu minh chứng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Phân công nhiệm vụ, quản lý, sử dụng người hành nghề đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

Trên đây là Thông báo của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc đăng tải danh sách đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh./.

Nơi nhận: 

- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các cơ sở KBCB có tên trên;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLHN.



**Nguyễn Thị Thu Hương**

Số 21/PKĐKTM

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2026

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH**

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHẤT LƯỢNG CAO TÂN MỸ THUỘC CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA CHẤT LƯỢNG CAO TÂN MỸ
- Đăng ký kinh doanh: Số 2400640103 cấp lần thứ 12, ngày 07/02/2025 nơi cấp Sở kế hoạch đầu tư, địa chỉ trụ sở: Lô 22 đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh
- Giấy phép hoạt động KBCB: Số: 711/BN-GPHĐ ngày 11/08/2025, địa chỉ hoạt động: Lô 22, đường Thân Nhân Trung, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh; thời gian hoạt động: Từ 07h00 đến 17h00 thứ hai đến thứ Bảy
- Thông tin người đại diện theo pháp luật: Họ tên: Ninh Thị Huệ, trình độ Cử nhân kế toán, điện thoại: 0903211688
- Thông tin người chịu trách nhiệm CMKT: Họ tên: Bùi Thị Hồng; CCHN số 000672/NĐ-CCHN ngày 10/01/2013, Phạm vi hành nghề: Bác sĩ chuyên khoa Nội. Điện thoại: 0912421184
- Thông tin người lập biểu: Họ tên: Ninh Thị Huệ; Điện thoại: 0903211688
- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt theo QĐ: Số 586/QĐ- SYT; Số 5952/QĐ-SYT; Số 6580/QĐ-SYT; số 1644/QĐ-SYT; Số 1038/QĐ-SYT; Số 353/QĐ-SYT: gồm 07 chuyên khoa: Nội, Ngoại, Phụ sản, Y học cổ truyền, Răng hàm mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm
- Báo cáo đăng ký hành nghề KBCB: Tổng số người hành nghề (Cũ + mới): 34; Số người hành nghề bổ sung: 1 ; Người hành nghề cũ điều chỉnh thông tin: 1 ; Thôi hành nghề: 0

| TT                          | Họ tên           | Văn bằng, chứng chỉ/<br>năm cấp (3)                                                                                                                | Số giấy phép hành<br>nghề, ngày cấp (4)        | Phạm vi<br>hành nghề<br>(5) | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở (6)       | Vị trí chuyên<br>môn (7)  | Chức danh<br>quản lý (8)                                                              | Khoa/bộ<br>phận<br>chuyên<br>môn (9) | Thời điểm tiếp nhận (mục<br>A) hoặc thời việc (mục B)<br>(10)                                                                                                                      | Thông tin<br>ĐKHN tại cơ sở<br>khác (11) | Ghi chú (12) |
|-----------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|
| <b>A. SỐ ĐANG HÀNH NGHỀ</b> |                  |                                                                                                                                                    |                                                |                             |                                                    |                           |                                                                                       |                                      |                                                                                                                                                                                    |                                          |              |
| 1                           | Bùi Thị Hồng     | BSCKI Nội Khoa (1993);<br>BS đa khoa<br>(1977); CN quản lý và<br>điều trị đái tháo đường<br>(2017); CN quản lý và điều<br>trị tăng huyết áp (2018) | Số 000672/NĐ-CCHN<br>ngày cấp 10/01/2013       | KBCB CK<br>Nội tổng hợp     | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>Nội - HATĐ | Giám đốc<br>Phòng khám,<br>người<br>CTNCMKT<br>của cơ sở,<br>Trưởng phòng<br>khám Nội | Nội                                  | Ngày 02/02/2015<br>(theo QĐ số 09 ngày<br>02/02/2015)<br>Ngày 14/07/2025 ( Theo QĐ số<br>10/QĐ-PKTM ngày<br>14/07/2025)<br>Ngày 15/07/2026 (Theo QĐ số<br>10/QĐBN ngày 15/07/2026) | Không                                    |              |
| 2                           | Lục Văn Mao      | BSCKI HSCC (2023); Bs<br>đa khoa (2015), Siêu âm<br>tổng quát (2022); Điện tim<br>đồ(2017)                                                         | Số 006374/BG-CCHN,<br>ngày cấp 30/06/2020      | KBCB CK<br>Nội Nhi          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>Nội Nhi    | Phó Giám đốc<br>PK                                                                    | Nội , Siêu<br>âm                     | Ngày 26/05/2025<br>( theo QĐ số 06 ngày<br>26/05/2025)<br>Ngày 10/09/2025 theo QĐ số<br>08/QĐPC-PKTM ngày<br>10/09/2025                                                            | Không                                    |              |
| 3                           | Vũ Thị Ngọc Oanh | BSCKI Nội (1985); BSĐK<br>(1976); Điện tim đồ(2016)                                                                                                | Số 000420/NĐ-CCHN<br>ngày cấp 24/07/2012       | KBCB Nội<br>khoa            | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>Nội -HATĐ  | không                                                                                 | Nội                                  | Ngày 01/04/2014<br>(theo QĐ 03 ngày 01/04/2014)<br>Ngày 30/7/2019 (theo QĐ<br>20/QĐ-PKTM ngày<br>30/07/2019)<br>Ngày 15/07/2026 (Theo QĐ số<br>09/QĐBN ngày 15/07/2026)            | không                                    |              |
| 4                           | Nguyễn Hữu Việt  | BSCK Đa Khoa (1997)                                                                                                                                | Số 006556/TNG-<br>CCHN, ngày cấp<br>25/03/2020 | KBCB Ngoại<br>khoa          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK Ngoại   | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK CK Ngoại                                                | Ngoại                                | Ngày 09/01/2024<br>( theo QĐ số 01 ngày<br>09/01/2024)                                                                                                                             | Không                                    |              |

|    |                          |                                                                                                                               |                                            |                                                    |                                                    |                                                          |                                          |                        |                                                               |                                                                                                                                   |  |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5  | Nông Văn Nâu             | BSCKI CDHA (2010);<br>BS tuyển YTCS (2000)                                                                                    | Số 001566/BG-CCHN,<br>ngày cấp 08/10/2013  | KBCB CDHA                                          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK CDHA                                   | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK CK<br>CDHA | CDHA                   | Ngày 08/05/2025 (theo QĐ<br>số 05 ngày 08/05/2025)            | Không                                                                                                                             |  |
| 6  | Đinh Bá Duy              | BSCK YHCT (2020)                                                                                                              | Số 002283/LCH-CCHN,<br>ngày cấp 16/05/2022 | KBCB YHCT                                          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT                                   | không                                    | YHCT                   | Ngày 22/02/2024<br>(theo QĐ số 02 ngày<br>22/02/2024)         | Không                                                                                                                             |  |
| 7  | Vũ Hải Yến               | BS YHCT (2016)                                                                                                                | Số 007122/BG-CCHN,<br>ngày cấp 30/01/2019  | KBCB YHCT                                          | Từ 07h00_17h00 từ thứ<br>bảy hàng tuần             | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT                                   | không                                    | YHCT                   | Ngày 09/05/2022<br>(theo QĐ số 08 ngày<br>09/05/2022)         | Làm việc toàn thời<br>gian tại Hội đồng y<br>tinh Bắc Ninh từ<br>Thứ 2 đến thứ 6.<br>Sáng từ 7h -<br>11h30; chiều từ<br>13h-16h30 |  |
| 8  | Nguyễn Thị Hồng<br>Quyên | CNKTXN YH (2023)                                                                                                              | Số 000192/BG-GPHN,<br>ngày cấp 03/06/2024  | KTXN YH                                            | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | KTXN YH                                                  | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK XNYH       | Xét<br>nghiệm          | Ngày 16/12/2024<br>(theo QĐ số 08 ngày<br>16/12/2024)         | Không                                                                                                                             |  |
| 9  | Đồng Thị Phương Nhã      | YS đa khoa<br>(2012)                                                                                                          | Số 007649/BG-CCHN<br>ngày cấp 12/06/2020   | Y sỹ Đa khoa                                       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Trưởng KCB<br>theo quy định<br>tại TT số<br>102016/TT-TT | Y tá trưởng                              | Phòng<br>khám<br>Ngoại | Ngày 31/12/2015<br>(theo QĐ số 55 ngày<br>31/12/2015)         | Không                                                                                                                             |  |
| 10 | Ngô Thị Phương Mai       | Điều dưỡng Đa khoa<br>(2011)                                                                                                  | Số 002745/BG-CCHN<br>ngày cấp 27/11/2023   | Điều dưỡng<br>viên                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Điều dưỡng                                               | không                                    | Nội                    | Ngày 01/08/2014 (theo QĐ<br>số 0 ngày 01/08/2014)             | Không                                                                                                                             |  |
| 11 | Lê Thị Hiền              | Điều dưỡng đa khoa (2011)                                                                                                     | Số 007908/BG-CCHN<br>ngày cấp 11/01/2021   | Điều dưỡng<br>viên                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Điều dưỡng                                               | không                                    | YHCT                   | Ngày 31/08/2020<br>(theo QĐ số 05 ngày<br>31/08/2020)         | Không                                                                                                                             |  |
| 12 | Nguyễn Minh Cường        | Cử nhân CĐ ĐD (2019)                                                                                                          | Số 006103/BN-CCHN<br>ngày cấp 21/09/2022   | Cao đẳng điều<br>dưỡng                             | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Điều dưỡng                                               | không                                    | CDHA                   | Ngày 05/10/2022<br>(theo QĐ số 26 ngày<br>05/10/2022)         | Không                                                                                                                             |  |
| 13 | Nguyễn Văn Thanh         | Y sỹ YHCT (2019)                                                                                                              | Số 008030/BG-CCHN<br>ngày cấp 27/04/2021   | KBCB YHCT                                          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                                                | không                                    | YHCT                   | Ngày 13/09/2021<br>(theo QĐ số 17 ngày<br>13/09/2021)         | Không                                                                                                                             |  |
| 14 | Nguyễn Thị Thuận         | Y sỹ YHCT (2019)                                                                                                              | Số 000074/BG-GPHN<br>ngày cấp 29/03/2024   | KBCB Y học<br>cổ truyền                            | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                                                | không                                    | YHCT                   | Ngày 25/10/2024<br>(theo QĐ số 05 ngày<br>25/10/2024)         | Không                                                                                                                             |  |
| 15 | Phạm Thị Thu Hiền        | Y sỹ YHCT (2024)                                                                                                              | Số 000902/BG-GPHN<br>ngày cấp 21/05/2025   | Y học cổ<br>truyền                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                                                | không                                    | YHCT                   | Ngày 01/11/2025<br>(theo QĐTN số 09 ngày<br>01/11/2025)       | Không                                                                                                                             |  |
| 16 | Ngô Quý Phương           | BSCKI YHCT (2020);<br>BS YHCT (2014)<br>CC tiêm khớp- Tiêm mô<br>quanh gân( 2024; CC Định<br>hướng chuyên khoa PHCN<br>(2016) | Số 001989/BN-CCHN<br>ngày cấp 15/06/2016   | Y học cổ<br>truyền- VLTL-<br>Phục hồi chức<br>năng | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT                                   | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK CK<br>YHCT | YHCT                   | Ngày 06/11/2025<br>(theo QĐ TN số 10 ngày<br>06/11/2025)      | Không                                                                                                                             |  |
| 17 | Hồ Ngọc Ánh              | BS YHCT (2022)                                                                                                                | Số 002116/HNO-GPHN<br>ngày cấp 06/09/2024  | Y học cổ<br>truyền                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT                                   | không                                    | YHCT                   | Ngày 06/11/2025( theo QĐ TN<br>số 11 ngày 06/11/2025          | Không                                                                                                                             |  |
| 18 | Vũ Xuân Ánh              | Y sỹ YHCT (2024)                                                                                                              | Số 000710/HD-GPHN<br>ngày cấp 04/03/2025   | Y học cổ<br>truyền                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                                                | không                                    | YHCT                   | Ngày 01/11/2025 (theo<br>QĐTN số 12 ngày 01/11/2025)          | Không                                                                                                                             |  |
| 19 | Phạm Văn Tân             | Y sỹ YHCT (2020)                                                                                                              | Số 008509/BD-CCHN<br>ngày cấp 26/02/2021   | Y học cổ<br>truyền                                 | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                                                | không                                    | YHCT                   | Ngày 13/11/2025<br>(theo QĐ số 13/QĐTN-TM<br>ngày 13/11/2025) | Không                                                                                                                             |  |

|    |                    |                                                                                                                                 |                                           |                          |                                                    |                                    |                                             |                  |                                                                                                                                                |       |  |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--|
| 20 | Lương Chí Châm     | Bác sỹ YHCT (2022)                                                                                                              | Số 005218/HNO-GPHN<br>ngày cấp 08/07/2025 | Y học cổ<br>truyền       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT             | không                                       | YHCT             | Ngày 28/11/2025<br>(theo QĐ số 15/QĐTN-TM<br>ngày 28/11/2025)                                                                                  | Không |  |
| 21 | Bùi Xuân Công      | Bác sỹ YHCT (2017)                                                                                                              | Số 002491/HNO-GPHN<br>ngày cấp 28/10/2024 | Y học cổ<br>truyền       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK YHCT             | không                                       | YHCT             | Ngày 28/11/2025<br>(theo QĐ số 16/QĐTN-TM<br>ngày 28/11/2025)                                                                                  | Không |  |
| 22 | Phạm Văn Hợp       | Y sỹ YHCT (2022)                                                                                                                | Số 040339/HNO-CCHN<br>ngày cấp 22/01/2024 | Y học cổ<br>truyền       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                          | không                                       | YHCT             | Ngày 08/12/2025<br>(theo QĐ số 17/QĐTN-TM<br>ngày 08/12/2025)                                                                                  | Không |  |
| 23 | Thần Thị Mai Hương | Điều dưỡng (2024)                                                                                                               | Số 000327/BG-GPHN<br>ngày cấp 30/07/2024  | Điều dưỡng<br>viên       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Điều dưỡng                         | không                                       | Răng hàm<br>mặt  | Ngày 10/12/2025<br>(theo QĐ số 19/QĐPC ngày<br>10/12/2025)                                                                                     | Không |  |
| 24 | Bùi Thái Bảo       | BS đa khoa(1993);<br>BS CKI Sản- Phụ<br>Khoa(2000); CC siêu âm<br>sản phụ khoa cơ bản(2022)                                     | Số 006882/BG-CCHN<br>ngày cấp 22/06/2018  | KBCB CK<br>Sản- Phụ khoa | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK Sản- Phụ<br>khoa | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK CK Phụ<br>sản | Sản- Phụ<br>khoa | Ngày 22/12/2025<br>(theo QĐ số 20/QĐPC ngày<br>22/12/2025)<br>Ngày 29/12/2025 ( theo QĐ số<br>24/QĐPC-PKTM; số 27/QĐ-<br>PKTM ngày 29/12/2025) | Không |  |
| 25 | Phạm Thị Ngọc Lan  | BS Răng hàm mặt (2023);<br>CN chỉnh hình răng hàm<br>mặt cơ bản(2024)                                                           | Số 004900/HNO-GPHN<br>ngày cấp 17/06/2025 | KCCB CK<br>Răng hàm mặt  | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ CK<br>RHM                   | Phụ trách<br>chuyên môn<br>PK CK RHM        | Răng hàm<br>mặt  | Ngày 22/12/2025<br>(theo HDLĐ số 17/HDLD-TM<br>ngày 03/12/2025)                                                                                | Không |  |
| 26 | Nguyễn Quỳnh Thu   | CNKTXN YH (2025 )                                                                                                               | Số 001206/BN-GPHN,<br>ngày cấp 06/03/2026 | KTXN YH                  | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | KTXN YH                            | không                                       | Xét<br>nghiệm    | Ngày 20/03/2026<br>(theo QĐ số 02/QĐ-PKTM<br>ngày 20/03/2026)                                                                                  | Không |  |
| 27 | Phạm Công Trung    | Y sỹ YHCT (2019)                                                                                                                | Số 007841/BG-CCHN<br>ngày cấp 16/11/2020  | Y học cổ<br>truyền       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                          | không                                       | YHCT             | Ngày 20/03/2026<br>(theo QĐ số 03/QĐ-PKTM<br>ngày 20/03/2026)                                                                                  | Không |  |
| 28 | Dương Thị Lược     | Bác sỹ tuyển YTCS<br>(2000); CC quản lý và<br>điều trị đái tháo đường<br>(2022); CN quản lý và điều<br>trị tăng huyết áp (2022) | Số 002137/BG-CCHN<br>ngày cấp 16/12/2013  | KBCB CK<br>Nội Nhi       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>Nội HATĐ            | không                                       | Nội              | Ngày 04/06/2026<br>(theo QĐ số 05/QĐ-PKTM<br>ngày 04/06/2026)                                                                                  | Không |  |
| 29 | Nguyễn Thị Duyên   | Y sỹ YHCT (2024)                                                                                                                | Số 007928/HNO-GPHN<br>ngày cấp 06/01/2026 | Y học cổ<br>truyền       | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT                          | không                                       | YHCT             | Ngày 05/06/2026<br>(theo QĐ số 06/QĐ-PKTM<br>ngày 05/06/2026)                                                                                  | Không |  |
| 30 | Đoàn Đăng Khoa     | Cao đẳng Kỹ thuật VLTL<br>và PHCN (2023)                                                                                        | Số 000566/BG-GPHN<br>ngày cấp 29/11/2024  | VLTL và<br>PHCN          | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Kỹ thuật y                         | không                                       | YHCT             | Ngày 22/06/2026<br>(theo QĐ số 07/QĐ-PKTM<br>ngày 22/06/2026)                                                                                  | Không |  |
| 31 | Mai Duy Lân        | BS Y khoa (2024)                                                                                                                | Số 011264/HNO-GPHN<br>ngày cấp 05/06/2026 | Y khoa                   | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Bác sĩ KBCB<br>CK Nội              | không                                       | Nội              | Ngày 15/07/2026<br>(theo QĐ số 08/QĐ-PKTM<br>ngày 15/07/2026)                                                                                  | Không |  |

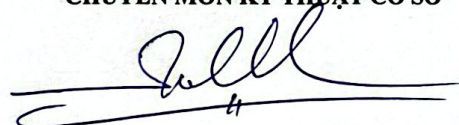
|                        |               |                                                                                                                |                                           |                    |                                                    |           |       |      |                                                               |       |                                                                                |
|------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------|-----------|-------|------|---------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 32                     | Lương Văn Túc | Y sỹ YHCT (1999)                                                                                               | Số 000351/BG-GPHN<br>ngày cấp 05/08/2024  | Y học cổ<br>truyền | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT | không | YHCT | Ngày 03/08/2026<br>(theo QĐ số 11/QĐ-PKTM<br>ngày 03/08/2026) | Không |                                                                                |
| 33                     | Trần Văn Cửu  | Y sỹ YHCT (2017); CC Kỹ<br>thuật vật lý trị liệu- Phục<br>hồi chức năng (2017)                                 | Số 006140/NĐ-CCHN<br>ngày cấp 14/03/2019  | Y học cổ<br>truyền | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT | không | YHCT | Ngày 05/08/2026<br>(theo QĐ số 12/QĐ-PKTM<br>ngày 05/08/2026) | Không | Điều chỉnh thông<br>tin người hành<br>nghề, bổ sung<br>chứng chỉ VLTL-<br>PHCN |
| 34                     | Lê Đức Thắng  | Y sỹ YHCT (1993); CC kỹ<br>năng chăm cứu chữa các<br>bệnh thần kinh-cơ-xương<br>khớp và bệnh tiêu<br>hóa(2012) | Số 0003542/BG-CCHN<br>ngày cấp 31/03/2015 | Y học cổ<br>truyền | từ 07h00_17h00 từ thứ<br>Hai đến thứ bảy hàng tuần | Y sỹ YHCT | không | YHCT | Ngày 20/08/2026<br>(theo QĐ số 13/QĐ-PKTM<br>ngày 20/08/2026) | Không | Bổ sung người hành<br>nghề                                                     |
| <b>B. SỐ THỜI VIỆC</b> |               |                                                                                                                |                                           |                    |                                                    |           |       |      |                                                               |       |                                                                                |
|                        |               |                                                                                                                |                                           |                    |                                                    |           |       |      |                                                               |       |                                                                                |
|                        |               |                                                                                                                |                                           |                    |                                                    |           |       |      |                                                               |       |                                                                                |

**1- Phòng khám Đa khoa CLC Tân Mỹ** chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đăng ký hành nghề; cam kết thực hiện đúng các quy định về đăng ký hành nghề, điều kiện tiêu chuẩn người hành nghề và thiết lập lưu trữ hồ sơ đăng ký hành nghề kèm các tài liệu minh chứng điều kiện tiêu chuẩn người hành nghề theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế (đn đăng tải);
- Lưu: PK...

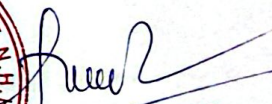
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM  
CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CƠ SỞ**



**PGĐ. Lục Văn Mao**

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu - nếu có)**



  
**GIÁM ĐỐC**  
*Ninh Thị Huệ*

